

BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

[illegible]

1		Thôn Phú Lâm	468	1.766	6	15	0,85	Không đạt	5,05		Không đạt	Không đạt	
2		Thôn Gia Mỹ	731	2.803	28	49	1,75	Không đạt	6,26		Không đạt	Không đạt	
3		Thôn Kim Đôi	446	1.629	15	25	1,53	Không đạt	5,45		Không đạt	Không đạt	
4		Thôn Liêm Chính	565	2.273	37	197	8,67	Không đạt	7,92		Không đạt	Không đạt	
5		Thôn Xích Thổ	456	1.738	35	81	4,66	Không đạt	5,63		Không đạt	Không đạt	
6		Thôn Mỹ Đức	419	1.645	109	308	18,72	Đạt	11,42		Không đạt	Đạt	Đức Thành, Hồng Quang
7		Thôn Liên Minh	464	1.753	38	87	4,96	Không đạt	9,64		Không đạt	Không đạt	
8		Thôn Lạc Hồng	491	1.875	43	103	5,49	Không đạt	7,8		Không đạt	Không đạt	
9		Thôn Gia Sơn	610	2.503	7	19	0,76	Không đạt	8,07		Không đạt	Không đạt	
10		Thôn Quyết Tiến	572	2.215	9	22	0,99	Không đạt	7,97		Không đạt	Không đạt	
III	Xã Nho Quan												
1		Thôn Quang Trung	517	1.925	340	1285	66,75	Đạt	4,1		Không đạt	Đạt	Thôn Yên Minh, thôn Yên Bình, thôn Yên Phú
2		Thôn Mống Lá	776	3.035	584	2325	76,61	Đạt	4		Không đạt	Đạt	Thôn Yên Ninh, thôn Yên Thịnh, thôn Yên Sơn
3		Thôn Yên Quang	589	2.167	442	1759	81,17	Đạt	4		Không đạt	Đạt	Thôn Yên Thủy, thôn Yên Mỹ, thôn Yên Thái
4		Thôn Yên Phong	809	3.111	109	322	10,35	Không đạt	3,5		Không đạt	Không đạt	

5		Thôn Văn Phong	603	2.203	52	153	6,95	Không đạt	3,6		Không đạt	Không đạt	
6		Thôn Đồng Phong	741	2.770	96	288	10,40	Không đạt	3,6		Không đạt	Không đạt	
7		Thôn Hồng Phong	958	3.471	93	281	8,10	Không đạt	3,7		Không đạt	Không đạt	
8		Thôn Đồng Tâm	821	2.892	80	236	8,16	Không đạt	3,6		Không đạt	Không đạt	
9		Thôn Bái	851	3.080	74	224	7,27	Không đạt	3,5		Không đạt	Không đạt	
10		Thôn Phong Lạc	720	2.669	66	195	7,31	Không đạt	3,6		Không đạt	Không đạt	
11		Thôn Lạng Phong	778	2.788	73	211	7,57	Không đạt	3,5		Không đạt	Không đạt	
12		Thôn Đồng Tiến	648	2.430	71	211	8,68	Không đạt	3,3		Không đạt	Không đạt	
IV	Xã Phú Long												
1		Thôn Thống Nhất	376	1.457	133	532	36,51	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn 1, thôn 2
2		Thôn Yên Lại	560	2.152	44	179	8,32	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
3		Thôn Đụn	317	1.212	90	366	30,20	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn 4, thôn 9
4		Thôn Ngọc	505	1.882	240	765	40,65	Đạt	> 200		Đạt	Đạt	Thôn 5, thôn 8, bản Tân Phú
5		Thôn Hồng Phú	294	1.124	147	838	74,56	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn 6, thôn 7
6		Bản Kỳ Phú	459	1.590	96	414	26,04	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Bản Xanh, bản Phùng Thượng, bản Xăm
7		Bản Sinh Phú	399	1.573	387	1510	95,99	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Bản Sặng, bản Vóng, bản Thường Sung, bản Đồng Chạo

8		Bản Hồng Văn	332	1.317	305	1261	95,75	Đạt	> 200		Đạt	Đạt	Bản Ao Lươn, bản Mết
9		Bản Kỳ Lão	356	1.307	338	1255	96,02	Đạt	> 200		Đạt	Đạt	Bản Sau, bản Cả, bản Ao
V	Xã Phú Sơn												
1		Thôn Hồng Thắng	383	1.472	360	1227	83,36	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Đầm Rừng, thôn Quảng Mão, thôn Bãi Lóng
2		Thôn Thành Phong	520	1.956	322	943	48,21	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Đồi Ngọc, thôn Thạch La, thôn Tiên Phong
3		Thôn Yên Vệ	405	1.501	252	449	29,91	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Vệ Đình, thôn Vệ Chùa, thôn Đồi Dài
4		Thôn Bình Phú	629	2.634	507	1913	72,63	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Phú Thịnh, thôn Đồi Bò, thôn Lạc Bình 1, thôn Lạc Bình 2
5		Thôn Lạc Hồng	158	1.302	197	575	44,16	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Đầm Bồng, thôn Tân Thành
6		Thôn Thạch Bình	654	2.590	313	874	33,75	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Thôn Lải, thôn Liên Phương, thôn Đồi Mây
7		Thôn Châu Sơn	725	2.803	95	264	9,42	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
8		Thôn Phúc Sơn	696	2.630	91	224	8,52	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
9		Thôn Bình An	515	1.919	38	80	4,17	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
10		Thôn Lạc Vân	413	1.497	24	47	3,14	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	

11		Thôn Lạc Sơn	586	2.362	53	110	4,66	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
VI	Phường Yên Sơn												
1		Tổ dân phố Quang Hiến	604	2.130	9	39	1,83	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
2		Tổ dân phố Tiền Phong	569	1.901	10	44	2,31	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
3		Tổ dân phố Yên Thịnh	575	2.035	11	41	2,01	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
4		Tổ dân phố Lang Ca	690	2.649	35	130	4,91	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
5		Tổ dân phố Khánh Ninh	536	1.944	115	464	23,87	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Tổ dân phố Khánh Ninh, tổ dân phố Đoàn Khê, tổ dân phố Yên Phong
6		Tổ dân phố Vĩnh Khương	589	2.051	46	174	8,48	Không đạt	< 200		Không đạt	Không đạt	
7		Tổ dân phố An Ngải	560	2.339	405	1794	76,70	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Tổ dân phố An Ngải, tổ dân phố Đồng Bông, tổ dân phố Hưng Long
8		Tổ dân phố Quảng Cư	591	2.477	248	1175	47,44	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Tổ dân phố Quảng Cư, tổ dân phố Quảng Thành
9		Tổ dân phố Đồng Bài	567	2.470	514	2286	92,55	Đạt	< 200		Không đạt	Đạt	Tổ dân phố Đồng Bài, tổ dân phố Đồng Trung, tổ dân phố Đồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

Mẫu số 04

BIỂU RÀ SOÁT PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
	Tổng cộng								
I	Xã Cúc Phương								
1		Thôn Bồng Lai	3,61	1,80	1,80	100	100	0	Không đạt
2		Thôn Tiên Phương	4,18	1,57	2,61	100	100	0	Không đạt
3		Thôn Đồng Tiến	3,47	1,99	1,49	100	100	0	Không đạt
4		Thôn Nga	1,74	0,58	1,16	100	100	0	Không đạt
5		Bản Sầm	2,89	2,07	0,83	100	100	0	Không đạt
II	Xã Gia Lâm								
1		Thôn Mỹ Đức	7,13	3,09	4,04	95	100	0	Không đạt
III	Xã Nho Quan								
1		Thôn Quang Trung	5,88	3,04	2,85	100	100	0	Không đạt
2		Thôn Mông Lá	4,53	1,64	2,90	100	100	0	Không đạt

3		Thôn Yên Quang	4,40	2,12	2,28	100	100	0	Không đạt
IV	Xã Phú Long								
1		Thôn Thống Nhất	4,03	1,61	2,42	100	100	0	Không đạt
2		Thôn Đụn	2,56	1,92	0,64	100	100	0	Không đạt
3		Thôn Ngọc	2,59	1,60	1,00	100	100	0	Không đạt
4		Thôn Hồng Phú	3,39	1,02	2,37	100	100	0	Không đạt
5		Bản Kỳ Phú	2,98	1,49	1,49	100	100	0	Không đạt
6		Bản Sinh Phú	3,28	1,77	1,52	100	100	0	Không đạt
7		Bản Hồng Văn	2,14	1,83	0,31	100	100	0	Không đạt
8		Bản Kỳ Lão	5,14	1,43	3,71	100	100	0	Không đạt
V	Xã Phú Sơn								
1		Thôn Hồng Thắng	9,69	3,93	5,76	100	100	0	Không đạt
2		Thôn Thành Phong	7,65	1,34	6,31	100	100	0	Không đạt
3		Thôn Yên Vệ	8,58	1,72	6,86	100	100	0	Không đạt
4		Thôn Bình Phú	7,96	2,39	5,57	100	100	0	Không đạt
5		Thôn Lạc Hồng	9,43	2,29	7,14	100	100	0	Không đạt
6		Thôn Thạch Bình	4,59	1,18	3,40	100	100	0	Không đạt
VI	Phường Yên Sơn								
1		Tổ dân phố Khánh Ninh	1,53	0,51	1,02	99	100	0	Không đạt
2		Tổ dân phố An Ngải	2,59	0,55	2,03	70	100	0	Không đạt
3		Tổ dân phố Quảng Cư	1,70	1,13	0,57	85	100	0	Không đạt
4		Tổ dân phố Đồng Bài	1,89	1,72	0,17	70	100	0	Không đạt